

KHÔI (Lá)

Ardisiae gigantifoliae Folium

Lá khô, Khôi tía, Khôi nhung

Lá của cây Khôi (*Ardisia gigantifolia* Stapf), họ Đơn nem (Myrsinaceae). Thu hái lá bánh tẻ gần như quanh năm, rửa sạch, hong cho ráo nước, sau đem phơi hay sấy khô.

Mô tả

Dược liệu khô gồm các lá rời nhau (đôi khi có vụn), có khi được buộc thành bó hay ép thành khối; lá hơi quăn queo hay bị gấp nếp nhiều lần, phiến rộng, còn cuống ngắn; mặt trên lá màu xanh xám đậm, mặt dưới màu xám nâu nhạt (từ màu tím khi còn tươi chuyển sang), rải rác có các điểm tuyến nhỏ. Nếu đem làm ẩm, dãn được lá ra, thấy phiến lá có hình mác thuôn hay thuôn, đầu nhọn, mép khía răng cưa nhỏ, đều, dài 25 cm đến 35 cm, rộng 6 cm đến 10 cm; hệ gân lá nổi rõ ở mặt dưới. Dược liệu khô thể giòn, dễ làm nát vụn; mùi thơm ngai ngái; vị hơi ngọt.

Vi phẫu

Gân chính: Lỗ ở phía trên, lỗ ở phía dưới. Trên lớp biểu bì có nhiều lông tiết chân đơn bào, đầu đa bào. Biểu bì gồm một lớp các tế bào xếp đều đặn. Mô dày gồm những tế bào có thành dày nằm sát dưới biểu bì. Mô mềm gồm những tế bào hình tròn thành mỏng, rải rác có các ống tiết. Các bó libe-gỗ xếp gần sát nhau thành hình vòng cung; mỗi bó libe-gỗ có libe ở ngoài, gỗ ở trong. Mô mềm ruột là những tế bào hình tròn to thành rất mỏng, rải rác có những ống tiết.

Phiến lá: Dưới lớp biểu bì trên là một hàng tế bào mô giậu, mô mềm khuyết gồm các tế bào nhỏ thành mỏng, xếp không đều.

Bột

Bột màu nâu xám, mùi thơm, vị ngọt mát. Có nhiều lông tiết chân đơn bào, đầu đa bào, mảnh mô mềm, lỗ khí, có nhiều mạch xoắn, tinh thể calci oxalat hình cầu gai.

Định tính

A. Lấy 3 g bột dược liệu, thêm 20 ml *nước cất*, đun sôi trong 2 - 3 min, lọc qua giấy lọc, lấy dịch lọc làm các phản ứng sau:

Lấy 1 ml dịch lọc, thêm 2 giọt *dung dịch sắt (III) clorid 5 % (TT)*, sẽ xuất hiện màu xanh đen.

Lấy 1 ml dịch lọc, thêm 2 giọt *dung dịch gelatin 1 % (TT)*, sẽ có tủa bông trắng.

B. Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel GF₂₅₄*

Dung môi khai triển: *Ethyl acetat - cloroform - acid formic (3 : 3 : 1)*.

Dung dịch thử: Lấy 2 g bột dược liệu, thêm 50 ml *ether dầu hỏa (40 °C đến 60 °C) (TT)*, đun hồi lưu trên cách thủy 1 h, để nguội, lọc, loại bỏ ether dầu hỏa. Lấy bã dược liệu, thêm 50 ml *ethyl acetat (TT)* đun hồi lưu trên cách thủy 30 min, để nguội, lọc. Bay hơi dịch lọc trên cách thủy đến cạn. Thêm vào cặn 2 ml *methanol (TT)*, lắc siêu âm 1 min, lọc, được dung dịch thử.

Dung dịch đối chiếu: Dùng 2 g bột lá Khôi (mẫu chuẩn), tiến hành chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt 10 µl mỗi dung dịch trên lên bản mỏng. Sau khi triển khai sắc ký, lấy bản mỏng ra để khô ở nhiệt độ phòng. Phun *dung dịch acid sulfuric 10 % trong ethanol (TT)*. Sấy bản mỏng ở 105 °C đến khi các vết hiện rõ. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết cùng màu sắc và tương đương về vị trí với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 12,0 % (Phụ lục 9.6, 2 g, 100 °C, 5 h).

Tro toàn phần

Không quá 20,0 % (Phụ lục 9.8).

Tạp chất

Không được quá 1 % (Phụ lục 12.11).

Chất chiết được trong dược liệu

Không ít hơn 10,0 % tính theo dược liệu khô kiệt.

Tiến hành theo phương pháp chiết nóng (Phụ lục 12.10), dùng *ethanol* 96 % (TT) làm dung môi.

Chế biến

Lấy dược liệu khô, rửa sạch, cắt đoạn dài 3 cm đến 5 cm, phơi khô và vi sao.

Bảo quản

Để nơi khô, thoáng, tránh ẩm.

Tính vị, quy kinh

Vị nhạt, tính bình. Vào kinh tỳ, vị

Công năng, chủ trị

Giáng vị khí, hòa vị, chỉ thống. Chủ trị: Đau dạ dày thể đa toan, nuốt chua, ợ hơi.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng 12 g đến 16 g, dưới dạng thuốc sắc, hoặc thuốc bột. Ngoài ra còn phối hợp lá Khôi với lá Vối, lá Hòe nấu nước tắm trị ngứa lở.

Ghi chú: Loại lá Khôi có hai mặt đều xanh, không dùng.